

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **05/2020/KDTM-PT**

Ngày: 15-9-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản; Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo; bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Vũ Hồng Thanh
- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2020/TLPT-KDTM ngày 18/3/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán, hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2020/KDTM-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2020/QĐPT-KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Châu Thị Thúy N, sinh năm 1973

Địa chỉ: số 697/30, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bà Châu Thị Thúy N – Đại diện hộ kinh doanh cửa hàng vật liệu xây dựng G; Trụ sở: 777/27 Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 52A8010888 do Phòng tài chính kế hoạch thành phố L cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/6/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N: Luật sư Nguyễn Thành T - thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang, địa chỉ liên hệ: số 30, đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Công ty TNHH H.

Địa chỉ cũ: số 27, Lô G2, đường L, khu dân cư S, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ hiện nay: Số 17/3A đường T, khóm B2, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc M, cư trú: số 25, đường Y, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Lâm T, sinh năm 1970, cư trú: Số 16, đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/10/2018)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

(Các thành viên góp vốn theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600818529, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2005)

1. Ông Lê Quốc M, sinh năm 1978, cư trú: số 25, đường Y, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bà Trần Thị Kim K, sinh năm 1978, cư trú: số 111, đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. Bà Lê Thị L, sinh năm 1955, cư trú: số 25, đường Y, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Các thành viên của hộ bà Nga, căn cứ sổ hộ khẩu số 9156TQ do công an thành phố L cấp ngày 11/11/2004 do ông Bùi Thế H chủ hộ, bà Châu Thị Thúy N là vợ và ba con M, X, M có cùng hộ khẩu)

4. Ông Bùi Thế H, sinh năm 1967

5. Cháu Bùi Gia M, sinh năm 2002

6. Cháu Bùi Thanh X, sinh năm 2006

7. Cháu Bùi Thanh M, sinh năm 2012

Cùng cư trú: số 695/30, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang

- Người đại diện theo pháp luật của cháu M, X, M: Ông Bùi Thế H và bà Châu Thị Thúy N (cha mẹ ruột của các cháu)

Cùng cư trú: số 695/30, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Thế H: Bà Đặng Thị Hồng H, sinh năm 1984, cư trú: Số 634/16, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/10/2018)

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L: Bà Lê Lâm T, sinh năm 1970, cư trú: Số 16, đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2018)

Kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH H, nguyên đơn bà Châu Thị Thúy N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thế H.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

(Bà N, luật sư Nguyễn Thành T, bà Lê Lâm T có mặt, còn lại các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

Nguyên đơn bà Châu Thị Thúy N do ông Huỳnh Thanh T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Châu Thị Thúy N là đại diện Đại diện hộ kinh doanh cửa hàng vật liệu xây dựng G và Công ty trách nhiệm hữu hạn H (công ty H) có hợp đồng mua bán vật tư xây dựng từ nhiều năm, từ năm 2014 đến đến 2017, bên công ty TNHH H lập bảng đối chiếu công nợ xác nhận nợ với bà Châu Thị Thúy N, bà N sử dụng bảng đối chiếu công nợ này khởi kiện công ty Hưng Minh, tính đến ngày 30/5/2017 công ty H còn nợ bà Nga là 757.519.849 đồng. Bà N tự ghi thêm bằng viết mực với số tiền 50.000.000 đ + 5.000.000 đồng, nâng tổng số tiền lên thành 812.519.000 đồng. Sau ngày 30/5/2017 Công ty H trả được số tiền 207.100.000 đồng (trả 22 lần trả từ ngày 13/8/2017 đến 27/4/2019). Số tiền còn lại bà N yêu cầu trả là 605.419.849 đồng, trong đó 600.000.000 đồng tiền vật tư và 5.000.000 đồng tiền vay. Bà N yêu cầu công ty H và các thành viên công ty liên đới trách nhiệm trả vốn và lãi, với số tiền lãi 37.000.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T rút lại không yêu cầu Công ty TNHH H và các thành viên công ty có trách nhiệm trả số tiền vay 5.000.000 đồng và tiền vật tư 50.000.000 đồng tiền vật tư mà bà N đã ghi thêm vào biên bản đối chiếu công nợ.

Bị đơn và đại diện bị đơn trong quá trình tố tụng trình bày:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, yêu cầu xem xét từng khoản tiền đã được thể hiện trong biên bản đối chiếu công nợ gồm: Tính đến 15/01/2017 gồm tiền nợ vật tư là 5.355.811.500 đồng; Tiền vay là 879.700.000 đồng; Tiền lãi là 505.662.829 đồng. Ngày 18/01/2017 công ty H trả: 5.780.000.000 đồng; Tiền lãi tính đến ngày 18/01/2017 là 101.345.520 đồng. Ngày 30/5/2017 công ty H tiếp tục trả 315.000.000 đồng. Với tiền vay và số tiền của hai lần trả thì đã vượt quá số tiền nợ gốc của bà Nga. Theo biên bản đối chiếu công nợ chỉ còn lại số tiền lãi chưa thanh toán, lãi tính đến ngày 30/5/2017 lãi chồng lãi với tổng tiền lãi là 607.008.349 đồng (505.662.829 đồng + 101.345.520 đồng). Lãi suất mỗi ngày là 0,166%/ngày là cao. Số tiền nợ còn lại chỉ là tiền lãi và được tính với lãi suất quá cao nên đề nghị xem xét điều chỉnh lãi theo quy định của pháp luật, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông M, bà K, bà L không chấp nhận yêu cầu liên đới trả nợ cho bà N, có văn bản yêu cầu vắng mặt. Ông H, bà N đại diện cho các cháu M, X, M có văn bản xin vắng mặt.

Ông L có văn bản trình bày công ty H có trả cho ông số tiền 182.636.000.000 đồng và xuất hóa đơn cho công ty H.

Tại Bản án sơ thẩm số 13/2020/KDTM-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Thúy N.

Buộc công ty TNHH H có trách nhiệm trả cho bà Châu Thị Thúy N số tiền 276.784.000 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi bốn ngàn).

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Thúy N về việc buộc công ty TNHH H có trách nhiệm trả 273.635.849 đồng.

[3] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Thúy N về việc buộc công ty TNHH H và các thành viên công ty có trách nhiệm liên đới trả số tiền 550.419.849 đồng.

[4] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Thúy N về việc buộc công ty TNHH H và các thành viên công ty có trách nhiệm trả số tiền lãi là 37.000.000 đồng.

[5] Đình chỉ đối với việc rút lại yêu cầu công ty TNHH H và các thành viên công ty có trách nhiệm trả số tiền 5.000.000 đồng tiền vay và 50.000.000 đồng tiền vật tư mà bà N đã ghi thêm vào biên bản đối chiếu công nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/01/2020 bị đơn Công ty TNHH H do ông Lê Quốc M đại diện theo pháp luật có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Ngày 20/01/2020 nguyên đơn bà Châu Thị Thúy N và ông Bùi Thế H người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, xác định nghĩa vụ của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, xem xét đầy đủ khách quan các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 03/02/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có Quyết định kháng nghị số 05/QĐKNPT-VKS-KDTM đối với bản án sơ thẩm số 13/2020/KDTM-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L về phần chấp nhận việc Công ty TNHH H trả nợ thay cho Công ty G thông qua Công ty tư nhân C số tiền 182.636.000 đồng. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn bà Châu Thị Thúy N đại diện hộ kinh doanh của hàng vật liệu xây dựng G rút lại 1 phần yêu cầu khởi kiện và rút lại 1 phần yêu cầu kháng cáo, cụ thể:

Bà N đồng ý số tiền công ty TNHH H còn nợ đến ngày 30/5/2017 là 757.519.849 đồng, sau ngày 30/5/2017 công ty TNHH H trả được 22 lần với tổng số tiền 213.100.000 đồng, sau khi trừ khoản tiền đã trả (757.519.849 đồng - 213.100.000 đồng = 544.419.849 đồng) thì công ty TNHH H còn nợ 544.419.849 đồng, bà yêu cầu công ty TNHH H trả khoản tiền còn nợ với lãi suất 10%/năm tính từ ngày khởi kiện đến nay và không đồng ý khấu trừ số tiền 182. 636.000 đồng mà công ty H cho rằng đã trả nợ thay cho bà N.

Bà Lê Lâm T đại diện cho bị đơn công ty TNHH H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thế H do bà Đặng Thị Hồng H đại diện thống nhất ý kiến trình bày của bà N tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham dự phiên tòa giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp.

Bà Lê Lâm T đại diện cho bị đơn công ty TNHH H trình bày tranh luận; Bà N sử dụng bảng đối chiếu công nợ để làm căn cứ khởi kiện công ty H thì các số liệu về NỢ..., MUỖN..., LÃI ..., TRẢ... được thể hiện trong bảng đối chiếu công nợ là có căn cứ; bà N cho rằng sau ngày 30/5/2017 công ty H trả 23 lần với tổng số tiền là 213.100.000 đồng là không phù hợp vì ngoài các chứng từ trả 23 lần như bà N đã thừa nhận còn có khoản tiền 95.000.000đồng cũng đã được bà N thừa nhận tại đơn khởi kiện, nên tổng số tiền công ty H trả sau ngày 30/5/2017 là 302.100.000đồng, ngoài ra trong bảng đối chiếu công nợ không thể hiện số tiền 182. 636.000 đồng mà công ty H đã trả thay bà N cho công ty TNHH C do ông Lê Hữu L đại diện như vậy tổng số tiền mà công ty H đã trả cho bà N vượt quá số nợ mà bà N yêu cầu nên yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét.

Luật sư Nguyễn Thành T tranh luận: Việc bà N sử dụng bảng đối chiếu công nợ của chính công ty H để làm căn cứ khởi kiện công ty H, theo bảng đối chiếu này thì công ty H thừa nhận tính đến ngày 30/5/2017 công ty H còn nợ của bà N 757.519.849 đồng, sự thừa nhận của công ty H là tình tiết bà N không phải chứng minh, mặc khác bà N chỉ thống nhất khoản tiền nợ 757.519.849 đồng, chứ không thống nhất các khoản NỢ..., MUỖN..., LÃI ..., TRẢ...như lời tranh luận của đại diện bị đơn. đối với số tiền 182. 636.000 đồng mà công ty H cho rằng đã trả nợ thay cho bà N bà N không thừa nhận có yêu cầu công ty H chuyển tiền cho công ty TNHH C để trả thay cho bà N. Công ty H đã thực hiện công việc không có ủy quyền mà không báo cho bà N biết, bà N hoàn toàn không biết việc chuyển trả tiền của công ty H và công ty TNHH C nên bà N không đồng ý trừ khoản tiền này là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà N yêu cầu công ty TNHH H trả khoản tiền còn nợ 544.419.849 đồng với lãi suất 10%/năm tính từ

ngày khởi kiện đến nay mà không yêu cầu tính lãi suất mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường là có lợi cho bị đơn nên đề nghị HĐXX xem, xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Châu Thị Thúy N mà không cần phải hủy bản án sơ thẩm như kháng nghị của Viện kiểm sát vì công ty H cũng có thể khởi kiện công ty TNHH C thành 1 vụ kiện khác nếu có tranh chấp và luật cũng chưa quy định cụ thể rõ ràng thế nào là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Đại diện viện kiểm sát tranh luận: Bản án sơ thẩm nhận định bà N không cung cấp sổ sách đối chiếu cho Tòa án và không có những chứng cứ phản bác lại chứng cứ mà công ty H cho rằng đã trả thay cho bà N cho Doanh nghiệp tư nhân C số tiền 182.636.000đồng; phía bà N không chấp nhận ý kiến này nhưng cấp sơ thẩm khấu trừ vào phần tiền của công ty H còn nợ cửa hàng G do bà Nga là chủ hộ kinh doanh đang khởi kiện, mặc khác công ty H không có yêu cầu phản tố đối với số tiền trả thay này và doanh nghiệp C có ý kiến là công ty H trả cho doanh nghiệp tư nhân C số tiền này; cấp sơ thẩm đưa công ty C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng cấp sơ thẩm chưa thụ lý bổ sung quan hệ tranh chấp này, công ty H không có yêu cầu phản tố như một hình thức khởi kiện, và cũng không nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu này nhưng cấp sơ thẩm vẫn giải quyết chấp nhận để khấu trừ là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 199, Điều 200, Điều 202 Bộ luật Tố tụng năm 2015; nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm số: 13/2020/KDTM-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L.

Luật sư Nguyễn Thành T, bà Châu Thị T, bà Lê Lâm T, bà Đặng Thị Hồng H không tranh luận đối đáp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của các Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như: Thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm theo đúng quy định Điều 285; đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo Điều 286; yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ theo Điều 287; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 290 và triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo Điều 294 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa; phạm vi xét xử phúc thẩm và thủ tục phiên tòa.

- Đối với các đương sự: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, là phiên tòa được mở lần thứ 3, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng người kháng cáo là

Công ty H, Đại diện theo pháp luật là ông Lê Quốc M vắng mặt, tuy nhiên có người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Lâm T có mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt, vì vậy tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 296 bộ luật TTDS.

Về việc giải quyết đối với Bản án sơ thẩm bị kháng nghị:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản*” và xác định tư cách của những người tham gia tố tụng là đúng quy định.

Đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố L, nhận thấy:

Việc mua bán vật tư xây dựng giữa Cửa hàng G với Công ty TNHH H mặc dù không được lập thành văn bản và ký kết trên cơ sở hợp đồng mua bán nhưng hai bên có đối chiếu sổ sách công nợ, trên nguyên tắc là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật. Do Công ty TNHH H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Cửa hàng G khởi kiện là có căn cứ.

Tuy nhiên, xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố L có những sai sót, vi phạm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố L đưa Doanh nghiệp tư nhân C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Mặc dù các bên có tranh chấp khoản tiền 182.636.000 đồng mà công ty H cho rằng đã trả thay bà N cho Doanh nghiệp tư nhân C nhưng Tòa án nhân dân thành phố L không thụ lý bổ sung quan hệ tranh chấp này, cũng như phía Công ty TNHH H không có yêu cầu phản tố đối với số tiền trả thay này bằng hình thức khởi kiện một vụ việc, cũng như không có văn bản gửi Tòa án và thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu này theo đúng quy định của pháp luật. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 199, Điểm a, Khoản 2, Điều 200 Bộ luật TTDS. Nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn giải quyết, chấp nhận khoản trả thay này để khấu trừ nợ là không đúng quy định của pháp luật, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 199, 200, 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung tranh chấp: Bà N không thừa Công ty TNHH H cho rằng đã trả thay cho bà N qua công ty TNHH C số tiền 182.636.000 đồng nhưng Hội đồng xét xử lại chấp nhận để khấu trừ vào phần tiền Công ty TNHH H nợ Cửa hàng G. Mặt khác, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, công ty TNHH H không có yêu cầu phản tố đối với số tiền trả thay này, đồng thời hồ sơ thể hiện DNTN C xác định Công ty TNHH H đã trả cho DNTN C chứ không xác định trả thay cho bà Nga. Ngoài ra giữa nguyên đơn, bị đơn trình bày số lần trả nợ (23 lần, 25 lần) và số tiền đã trả nợ cụ thể sau ngày mà hai bên đối chiếu công nợ (sau ngày 30/5/2017 có chứng từ hay không) là còn mâu thuẫn, nhưng cấp sơ thẩm chưa tiến hành đối chất làm rõ.

Sau khi hoãn phiên tòa lần một; Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tiến hành thu thập chứng cứ bổ sung tại Công ty TNHH C, bản tự khai ngày

01/9/2020 của đại diện Công ty TNHH C vẫn giữ nguyên ý kiến như tờ tự khai ngày 30/12/2019 mà Công ty đã cung cấp cho Tòa án.

Việc giải quyết vụ án trên của Tòa án nhân dân thành phố L đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chưa giải quyết triệt để nội dung tranh chấp. Phía DNTN C xác nhận ngày 18/01/2017, Công ty H đã chuyển trả cho DNTN C số tiền 182.636.000 đồng nên DNTN C xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty H cũng chưa được làm rõ đây là khoản tiền nào trong quan hệ tranh chấp, có liên quan trực tiếp đến khoản nợ vay, nợ tiền vật tư đang tranh chấp hay không...? Những vi phạm trên không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm, nên cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố L; Chấp nhận kháng cáo của bà Châu Thị Thúy N, Công ty TNHH H; Hủy Bản án sơ thẩm số 13/2020/KDTM-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự bị đơn Công ty TNHH H, nguyên đơn bà Châu Thị Thúy N và ông Bùi Thế H người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ, nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm;

Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có Quyết định kháng nghị số: 05/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 03 tháng 2 năm 2020 là trong hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xem xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, HĐXX phúc thẩm thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Châu Thị Thúy N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thế Hiếu:

Tại phiên tòa bà N rút lại 1 phần yêu cầu khởi kiện, 1 phần yêu cầu kháng cáo, cụ thể:

Bà N yêu cầu công ty TNHH H trả số tiền còn nợ lại sau khi đối chiếu công nợ đến ngày 30/5/2007 là 757.519.849 đồng và khấu trừ số tiền đã trả sau ngày 30/5/2017 được 23 lần với số tiền là 213.100.000 đồng cụ thể: (757.519.849 đồng - 213.100.000 đồng = 544.419.849 đồng) và lãi suất 10%/năm tính từ ngày khởi kiện đến nay và không đồng ý khấu trừ số tiền

182.636.000 đồng mà công ty H cho rằng đã trả nợ thay cho bà N qua việc chuyển khoản cho công ty TNHH C vì bà Nga không có yêu cầu công ty H thực hiện việc trả thay này.

Về khoản tiền bà N cho rằng công ty H trả sau ngày 30/7/2017 là 23 lần là 213.000.000 đồng, qua chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thể hiện là giấy nộp tiền, hóa đơn bán lẻ mà công ty H cung cấp có xác nhận của bà N với tổng các lần trả là 22 lần với tổng số tiền là 207.100.000 đồng, ngoài ra tại đơn khởi kiện của bà N có thừa nhận khoản tiền 95.000.000 đồng mà công ty H đã trả; Vậy tổng hai khoản tiền mà công ty H đã trả cho bà N này là: (207.100.000 đồng + 95.000.000 đồng = 302.100.000 đồng) phù hợp với lời trình bày của đại diện bị đơn.

Về khoản tiền 182.363.000 đồng khấu trừ vào nghĩa vụ của công ty H đối với bà N là chứng từ là giấy chuyển khoản của công ty H chuyển trả cho DNTN C ghi nội dung “*G TT vật tư cho DNTN C*”, bà N không thừa nhận có yêu cầu công ty H trả thay này. Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng và ủy nhiệm chi 182.636.000.000 đồng vào ngày 18/01/2017 là thời điểm trước khi công ty H xác nhận công nợ với bà N “*Vậy tổng nợ H nợ đến 30/5/2017....757.519.849 đồng*”, nội dung chuyển khoản “*G thanh toán vật tư*” thể hiện tại hóa đơn giá trị gia tăng và ủy nhiệm chi chưa đủ cơ sở xác định G nợ tiền vật tư DNTN C, mặc khác ông Lê Hữu L là đại diện theo pháp luật của công ty TNHH C cũng đã xác định và khẳng định tại hai tờ tự khai ngày 30/12/2019 và ngày 01/9/2020 Công ty H đã chuyển trả cho DNTN C số tiền 182.636.000 đồng nên DNTN C xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty H; công ty H thực hiện việc chuyển tiền cho công ty C không được bà N thừa nhận; Cấp sơ thẩm khấu khoản tiền này vào nghĩa vụ thanh toán nợ của công ty H đối với bà N là chưa xem xét một cách khách quan và toàn diện làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của công ty H, đối chiếu với yêu cầu của nguyên đơn và bảng đối chiếu công nợ với cửa hàng G do ông Lê Quốc M cung cấp thì tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh là công ty H đã trả lãi suất cao và số tiền đã trả cho vượt quá số tiền còn nợ của bà N.

[2.3] Đối với kháng nghị số 05/ QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/02/2020; đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/KDTM-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L; Do cấp sơ thẩm chưa thụ lý bổ sung quan hệ tranh chấp về số tiền công ty H cho rằng trả nợ thay cho bà Nga qua việc chuyển khoản 182.636.000 đồng công ty TNHH C, công ty H không có yêu cầu phản tố như một hình thức khởi kiện của một vụ việc, và cũng không nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu này nhưng cấp sơ thẩm vẫn giải quyết chấp nhận để khấu trừ là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 199, Điều 200, Điều 202 Bộ luật Tố tụng năm 2015; Cấp sơ thẩm không thụ lý bổ sung quan hệ tranh chấp này vì yêu cầu khấu trừ số tiền 182.636.000 đồng của công ty

H là yêu cầu phản bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nghĩa vụ thanh toán nợ đối với nguyên đơn là có căn cứ;

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu về khoản tiền này của bị đơn là khấu trừ 182.636.000 đồng (*Một trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) đã chuyển cho công ty C vào khoản tiền của nguyên đơn yêu cầu khởi kiện, nhưng nguyên đơn không đồng ý việc khấu trừ này; cấp sơ thẩm chưa làm rõ đây là khoản tiền nào trong quan hệ tranh chấp, có liên quan trực tiếp đến khoản nợ vay, nợ tiền vật tư đang tranh chấp hay không?; Việc chấp nhận yêu cầu của bị đơn để khấu trừ khoản tiền này tác động đến quyền lợi và nghĩa vụ của công ty TNHH C; Trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm ban hành thông báo số 155/2019/TB-TA ngày 10/9/2019 “*đưa chủ DNTT C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự*” nhưng bản án sơ thẩm đã bỏ sót công ty TNHH C do ông Lê Hữu L đại diện theo pháp luật với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; Qua đó làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ dân sự trong quan hệ dân sự về số tiền 182.636.000 đồng là ảnh đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Sai sót của cấp sơ thẩm như trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L; Hủy Bản án sơ thẩm số 13/2020/KDTM-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[3] Về án phí:

Do Hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 310; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số [326/2016/UBTVQH14](#), ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Châu Thị Thúy N, ông Bùi Thế H, công ty TNHH H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Hoàn trả lại bà Châu Thị Thúy N số tiền đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0009976 ngày 12/02/2020 và biên lai thu số: TU/2019/0000817 ngày 03/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang;

Hoàn trả lại ông Bùi Thế H số tiền đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0009977 ngày 12/02/2020 và biên lai thu số: TU/2019/0000818 ngày 03/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang;

Hoàn trả lại công ty TNHH H số tiền đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0009972 ngày 11/02/2020 và biên lai thu số: TU/2019/0000811 ngày 03/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang;

- Án phí dân sự sơ thẩm được xem xét và xác định lại khi vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND TP. L (1)
- THA TP. L (1)
- Tòa GD & NCTN (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đường sự “Đề thi hành”;
- Lưu: Hồ sơ.

Lâm Ngọc Phụng

